

*Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 12 năm 2020,*

**QUYẾT ĐỊNH  
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH  
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên họp:* Bà Trần Thị Thu Hiền

*Thư ký ghi biên bản phiên họp:* Bà Trần Thị Thúy Hạnh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp:* Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 85/2020/HNGĐ-ST, ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 39/2020/QĐ-TA ngày 11 tháng 12 năm 2020, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

- Người yêu cầu thứ nhất: Chị Phạm Thị Thu H, sinh ngày 10/9/1992; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Cộng hòa liên bang Đức; (vắng mặt tại phiên họp)

- Người yêu cầu thứ hai: Anh Phan Văn A; sinh ngày 02/02/1991; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Cộng hòa liên bang Đức (vắng mặt tại phiên họp).

*Người tham gia tố tụng khác*

- Ông Phạm Văn S; địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện c, tỉnh Hà Tĩnh- Là bố đẻ của chị Phạm Thị Thu H (có mặt)

- Ông Phan Văn Cvà bà Trịnh Thị Kim S; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh- Là bố, mẹ đẻ của anh Phan Văn A (có mặt).

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

Theo Đơn yêu cầu ly hôn, Bản tự khai, Văn bản trình bày ý kiến cũng như các tài liệu khác có tại hồ sơ, chị Phạm Thị Thu H và anh Phan Văn A trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 02 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống cùng gia đình anh A tại Nghi Xuân, cuộc sống hạnh phúc. Tuy nhiên, do không có công ăn việc làm ổn định, khó khăn về kinh tế nên năm 2017 anh A làm thủ tục đi lao động nước ngoài (Cộng hòa liên bang Đức). Thời gian đầu, anh A vẫn thường xuyên liên lạc về nhà nhưng từ năm 2018 anh ít liên lạc. Chị H chủ động gọi điện thoại thì anh cũng miễn cưỡng nói chuyện, tình cảm lạnh nhạt. Đầu năm 2020, chị Hoài sang CHLB Đức để cứu vãn cuộc hôn nhân, nhưng không có kết quả. Vợ chồng càng mâu thuẫn, tranh cãi. Hiện tại, mặc dù cùng ở CHLB Đức nhưng vợ chồng không sống chung với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hoài đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị và anh Phan Văn A, đồng thời chị yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến, anh Phan Văn A thừa nhận bản thân phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác và không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng với chị Phạm Thị Thu H, vì anh cho rằng, hiện tại cuộc hôn nhân giữa anh và chị Hoài là ngột ngạt, không hạnh phúc. Anh yêu cầu được thuận tình ly hôn với chị Hoài và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phan Bảo C, sinh ngày **16/11/2016**. Hai đương sự thống nhất giao con chung cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Phan Văn A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị Hoài chưa về nước, hai bên thống nhất nhờ ông Phan Văn C và bà Trịnh Thị Kim S (bố mẹ đẻ của anh A) tiếp tục chăm sóc cháu Phan Bảo C thay chị H.

Ông Phan Văn C và bà Trịnh Thị Kim S có đơn tự nguyện nuôi dưỡng cháu Phan Bảo Châu thay chị Phạm Thị Thu H trong thời gian chị H chưa về nước và không có yêu cầu gì về tiền cấp dưỡng nuôi cháu Phan Bảo Châu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Phan Văn A. Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Phan Bảo Châu, sinh ngày 16/11/2016 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Phan Văn A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị Hoài chưa về nước, ông Phan Văn C và bà Trịnh Thị Kim S tự nguyện chăm sóc cháu Phan Bảo Châu thay chị Phạm Thị Thu H. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Chị Phạm Thị Thu H và anh Phan Văn A đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và đều có yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết việc ly hôn. Hiện tại cả hai đang cư trú tự do tại nước ngoài. Theo thông tin cung cấp của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an, lần gần đây nhất, anh A xuất cảnh ngày 27/01/2017, chị H xuất cảnh ngày 12/02/2020, đều qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế nội bài và chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ quy định tại các Điều 29, 35, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Các tài liệu chứng cứ chị Phạm Thị Thu H và anh Phan Văn A gửi về từ Cộng hòa liên bang Đức, qua đường bưu chính đã được thực hiện giám định chữ ký được xác định là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên họp chị Phạm Thị Thu H và anh Phan Văn A vắng mặt, tuy nhiên cả hai đã có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Chị Hoài ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Phạm Văn S (bố đẻ chị Hoài). Anh Phan Văn A ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Phan Văn C (bố đẻ anh A). Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt người yêu cầu theo thủ tục chung.

#### **[2.] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Phan Văn A tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết

hôn vào ngày 15 tháng 02 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của Chị Phạm Thị Thu H và anh Phan Văn A thấy rằng:

Sau khi kết hôn, hai anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn (khoảng 1 năm) thì anh A đi lao động nước ngoài. Theo thừa nhận của anh Anh và chị H thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân do anh Anh ít khi liên lạc về nhà. Từ đầu năm 2020 khi chị H sang Cộng hòa liên bang Đức thì mâu thuẫn càng trầm trọng, không thể hàn gắn: Vợ chồng thường xuyên tranh cãi, không còn tình cảm, không còn chung sống với nhau và đều không mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân, đã thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn và thỏa thuận về tài sản.

Như vậy, vợ chồng đã không thực hiện nghĩa vụ “*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình*” (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình) và “không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc”, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Về quan hệ con chung: Sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của chị Phạm Thị Thu H và anh Phan Văn A cũng như sự tự nguyện thay chị Hoài chăm sóc cháu Phan Bảo Châu trong thời gian chị Hoài chưa về nước của ông Phan Văn C và bà Trịnh Thị Kim S là phù hợp với thực tế, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung Phan Bảo Châu. Theo xác nhận Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh hiện tại cháu Phan Bảo Châu đang được ông Phan Văn C và bà Trịnh Thị Kim S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của các đương sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí: Chị Phạm Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123,

127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Phan Văn A.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Phan Bảo C, sinh ngày **16/11/2016** cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Phan Văn A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị H chưa về nước, ông Phan Văn C và bà Trịnh Thị Kim S tự nguyện chăm sóc cháu Phan Bảo C thay chị Phạm Thị Thu H. Anh Phan Văn A có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Phạm Thị Thu H (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000074 ngày 17/11/2020 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 24/12/2020.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH
- Dương sự ;
- Lưu HS, TDS.

**THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP**

**Trần Thị Thu Hiền**

